



Original Article

The Development of Student Collaboration Competency in Learning National Defense Path of the Vietnamese Communist Party

Duong Thanh Nghia^{1,*}, Vu Thi Thu Hoai²

¹VNU National Defense and Security Training Center, Hoa Lac, Thach That, Hanoi, Vietnam

²VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 04 October 2023

Revised 20 October 2023; Accepted 21 October 2023

Abstract: Cooperation competency is not only one of the many vital capabilities for people living in the modern day society, but also assists the formulation of an energetic, creative, communicative and adaptive personality. There has been ample evidence on the fact that studying with continuous cooperative work can promote the growth of working skills, which in turn creates opportunities for mutual learning and the discovery of personal abilities. Furthermore, cooperation also helps enhance the sense of responsibility, autonomy and social activeness. Through group work, people can take advantage of their strength in numbers to resolve complicated matters and achieve significant results. This proves the essential role of cooperation competency in creating an all-round personality and developing such traits in the contemporary society - this is the basis for academic achievement. This article defines the framework of students' cooperation competency in learning National Defense and Security (NDS), investigates the ongoing situation of teaching National Defense Path of the Vietnamese Communist Party (VCP) and suggests several solutions to further boost this characteristic while studying these subjects in accordance with current requirements on reforming the education system of Vietnam.

Keywords: Cooperation competency, students, teaching, National Defense Path of the Vietnamese Communist Party.

* Corresponding author.

E-mail address: duongnghia90@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4850>

Nâng cao năng lực hợp tác của sinh viên trong giáo dục học phần Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Dương Thành Nghĩa^{1,*}, Vũ Thị Thu Hoài²

¹Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 04 tháng 10 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 10 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 10 năm 2023

Tóm tắt: Năng lực hợp tác là cần thiết trong xã hội hiện đại. Khả năng này không chỉ là một trong những năng lực chung của con người mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc hình thành nhân cách mới, năng động và sáng tạo. Kỹ năng hợp tác giúp con người có khả năng giao tiếp hiệu quả và dễ dàng thích ứng với mọi tình huống trong cuộc sống. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc học tập thông qua sự hợp tác thường xuyên không chỉ rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc, mà còn tạo điều kiện cho việc học hỏi lẫn nhau và khám phá tiềm năng bản thân. Ngoài ra, hợp tác còn thúc đẩy vai trò trách nhiệm, tính tự chủ và tích cực xã hội. Nhờ vào việc làm việc cùng nhau, con người có thể tận dụng sức mạnh của nhóm để giải quyết các vấn đề phức tạp và đạt được những thành tựu đáng kể. Năng lực hợp tác đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một cá nhân toàn diện và giúp con người phát triển mạnh mẽ trong môi trường xã hội ngày càng phức tạp và đa dạng của ngày nay. Từ đó nâng cao thành tích học tập của người học. Bài viết xác định khung năng lực hợp tác của sinh viên trong học tập học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh; Điều tra thực trạng giáo dục học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam và đề xuất một số biện pháp phát triển Năng lực hợp tác cho sinh viên trong giáo dục học phần này nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Năng lực hợp tác, sinh viên, giảng dạy, Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Công cuộc đổi mới giáo dục để đào tạo ra những con người sống và làm việc trong thế kỷ 21 đặt ra những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực và vai trò của người giáo viên trong giảng dạy. Thực hiện mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, giúp người học hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực chung cũng như năng lực đặc thù môn học,

trong đó năng lực hợp tác được nhiều nhà khoa học, nhà giáo dục và các giáo viên quan tâm, nghiên cứu và áp dụng các phương pháp giáo dục tích cực để hình thành và phát triển năng lực này cho người học ở các cấp học khác nhau. Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là một môn học đặc thù và độc đáo trong chương trình giáo dục. Theo tinh thần đổi mới phương pháp giáo dục, hoạt động giáo dục học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh không đơn thuần nhằm truyền thụ tri thức cho sinh viên mà quan trọng hơn là giúp các em biết cách tự “giải mã” nội dung của học phần trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập tích cực để hình thành và

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: duongnghia90@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4850>

phát triển các năng lực cần thiết cho người học. Vì vậy, đã có nhiều nghiên cứu đổi mới phương pháp giáo dục nhằm phát huy tính tích cực, chủ động cho người học khi giáo dục học phần này. Tác giả Đỗ Như Hùng [1] đã tiến hành khảo sát thực trạng và đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên ở Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Hồng Đức. Từ kết quả thực trạng, tác giả đã đề xuất các biện pháp nâng cao tính tự giác học tập của sinh viên và tăng cường các phương pháp giáo dục trực quan để tạo hứng thú học tập học phần này cho sinh viên. Một số các tác giả khác ở các công trình [2, 3], cũng đã nghiên cứu thực trạng, đưa ra những đánh giá và có những đề xuất về một số biện pháp nâng cao nhận thức của người học, vận dụng đa dạng các phương pháp giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng giáo dục học phần này. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra, trên thực tế, quá trình giáo dục học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn đang định hướng theo kiểu thông báo tái hiện và thuyết trình nêu vấn đề là chủ yếu. Các phương pháp giáo dục hướng vào người học và hoạt động của người học rất ít được sử dụng và nếu có sử dụng thì chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân của các giáo viên nên hiệu quả chưa cao. Vì vậy, bài báo này đề xuất cấu trúc năng lực hợp tác của sinh viên và nghiên cứu thực trạng việc sử dụng một số phương pháp giáo dục tích cực, trong đó có phương pháp giáo dục thảo luận nhóm trong giáo dục học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp nhằm phát huy những ưu điểm của phương pháp giáo dục hợp tác theo nhóm và giảm thiểu những hạn chế của phương pháp giáo dục này nhằm nâng cao năng lực hợp tác cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy quốc phòng và an ninh phù hợp với xu thế phát triển chung của quá trình giáo dục hiện đại, đáp ứng được yêu cầu giáo dục trong tình hình mới.

2. Năng lực hợp tác của sinh viên

2.1. Một số khái niệm về năng lực hợp tác

Khái niệm về năng lực đã được nhiều nhà khoa học trên thế giới đề xuất với nhiều định nghĩa khác nhau. Theo Weinert, “năng lực” là sự kết hợp của những kỹ năng xã hội, đạo đức, động cơ và năng lực nhận thức mà người học sở hữu (hoặc có thể học hỏi được). Năng lực giúp người học làm chủ được kiến thức bằng cách tìm hiểu và thực hiện các nhiệm vụ, giải quyết vấn đề, để đạt được mục tiêu học tập [4]. Theo OECD (2002): “năng lực được định nghĩa là khả năng hiệu quả đáp ứng các yêu cầu phức tạp trong một hoàn cảnh cụ thể” [5]. Theo Meier Bernd: “năng lực là đặc điểm của cá nhân thể hiện mức độ thông thạo - tức là có thể thực hiện một cách thành thực và chắc chắn - một hay một số dạng hoạt động nào đó” [6]. Năng lực hợp tác được hình thành dựa trên việc trao đổi thông tin, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm được tích lũy qua các nguồn tài liệu và các chiến lược thực hiện để hình thành nên mục tiêu chung. Theo quan điểm của Trinh và Rijlaarsdam: “Năng lực hợp tác hiện qua việc chủ thể tự xác định đúng đắn động cơ học tập cho mình, có khả năng tự quản lý việc học của mình, có thái độ tích cực trong các hoạt động để có thể tự làm việc, điều chỉnh hoạt động học tập và đánh giá kết quả học tập của chính mình để có thể độc lập làm việc và làm việc với người khác” [7].

Theo tác giả Griffin và Care (2015) [8] đã nhấn mạnh sự khác biệt giữa làm việc độc lập và làm việc nhóm (hợp tác làm việc) nằm ở sự tương tác, trao đổi ý kiến, nhận diện chung về vấn đề, thống nhất thảo luận và sự năng động, linh hoạt của các cá nhân. Với việc quan tâm đến năng lực hợp tác, bản thân người học hay giáo viên đều có thể nhận ra những nhiệm vụ mà người học có thể làm được, không thể làm được, hoặc có thể làm được nếu có sự trợ giúp từ giáo viên hay có sự hợp tác với bạn bè khác. Theo tác giả Vũ Thị Thu Hoài [9], năng lực hợp tác là một dạng năng lực cho phép cá nhân kết

hợp một cách linh hoạt và có tổ chức giữa tri thức cần thiết cho sự hợp tác, kỹ năng và thái độ giá trị, động cơ cá nhân nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động hợp tác trong bối cảnh cụ thể. Trong đó, mỗi cá nhân thể hiện sự tích cực, tự giác, sự tương tác và trách nhiệm cao trên cơ sở huy động những tri thức, kỹ năng của bản thân nhằm giải quyết hoạt động hợp tác một cách hiệu quả.

2.2. Cấu trúc của năng lực hợp tác

Theo David Johnson và Roger Johnson [10], các hoạt động hợp tác cấu thành nên các thành tố của năng lực hợp tác như sau:

i) Sự hợp tác phát triển là một yếu tố quan trọng trong môi trường nhóm, khi các thành viên phụ thuộc vào nhau một cách tích cực để cùng nhau phát triển và thành công;

ii) Thúc đẩy sự hợp tác là việc giúp đỡ và ủng hộ nhau trong quá trình học tập, đồng thời chia sẻ và cùng nhau đạt được những thành công và cố gắng;

iii) Tư cách "cá nhân" và tư cách "nhóm" cùng đóng vai trò quan trọng trong môi trường nhóm. Mỗi thành viên trong nhóm chịu trách nhiệm không chỉ với nhiệm vụ của bản thân mình mà còn với mục tiêu chung và thành tựu của nhóm;

iv) Hình thành các kỹ năng trong một nhóm nhỏ và giữa các cá nhân với nhau (giao lưu, tin tưởng, có sự thống nhất cao về phương hướng, biện pháp giải quyết những vấn đề phát sinh và giải quyết những mâu thuẫn trong ôn hòa và hiệu quả, tối ưu);

v) Hình thành các chức năng của nhóm và đề xuất các giải pháp tối ưu để thực hiện các chức năng đó một cách hiệu quả.

Trên cơ sở khái niệm năng lực hợp tác được các nhà khoa học công bố [7, 9], thành tố của các hoạt động hợp tác theo nhóm [10] và cấu trúc năng lực hợp tác theo chương trình phổ thông 2018 [11], chúng tôi đề xuất khung năng lực hợp tác của sinh viên được cấu thành từ ba thành tố, 6 tiêu chí và 12 biểu hiện, được mô tả ở Bảng 1.

Cấu trúc năng lực hợp tác là cơ sở để xác định các mức độ biểu hiện của các tiêu chí, từ đó xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực hợp tác, góp phần đổi mới và nâng cao đánh giá trong giáo dục phát triển năng lực cho người học.

Để phát triển năng lực hợp tác cho người học, một số phương pháp giáo dục tích cực có thể kể ra như: giáo dục giải quyết vấn đề, giáo dục hợp tác theo nhóm, đóng vai, giáo dục tổ chức trò chơi,... Trong đó, giáo dục hợp tác là một hình thức tổ chức giáo dục, trong đó giáo viên tổ chức và điều khiển sinh viên thành từng nhóm nhỏ được liên kết với nhau trong một hoạt động chung. Trong quá trình học tập nhóm, các thành viên tác động lẫn nhau thông qua việc chia sẻ tri thức và kỹ năng tập thể để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Như vậy, sử dụng phương pháp giáo dục hợp tác có nhiều điều kiện để phát triển năng lực hợp tác cho người học trong giảng dạy nói chung và giáo dục học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh nói riêng.

Bảng 1. Các thành tố, tiêu chí và biểu hiện của năng lực hợp tác

Thành tố	Các tiêu chí	Các biểu hiện
Năng lực tổ chức nhóm hợp tác	1. Xác định mục tiêu, các nhiệm vụ, trách nhiệm các thành viên trong nhóm cần thực hiện để tổ chức hoạt động hợp tác.	1. Đề xuất mục tiêu hợp tác nhằm giải quyết những vấn đề được đề xuất bởi bản thân và các thành viên khác.
		2. Lựa chọn hình thức làm việc phù hợp với quy mô và yêu cầu nhiệm vụ.
		3. Xác định rõ trách nhiệm và vai trò của từng thành viên trong nhóm.
Năng lực thực hiện	2. Xác định được nhiệm vụ, khả năng thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các	4. Xác định rõ các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả.

các hoạt động hợp tác nhóm	thành viên trong nhóm, phối hợp với các thành viên khác trong nhóm.	5. Đề xuất phương án phân công công việc phù hợp với năng lực của từng thành viên.
	3. Thể hiện các vai trò khác nhau trong nhóm.	6. Theo dõi tiến độ công việc của từng cá nhân và cả nhóm
	4. Tổng hợp, lựa chọn và sắp xếp được ý kiến của các sinh viên trong nhóm, hình thành sản phẩm và báo cáo.	7. Phân công và hỗ trợ lẫn nhau trong việc hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và nhiệm vụ chung của nhóm.
	5. Xử lý thông tin phản hồi.	8. Tổng hợp kết quả đạt được từ mỗi thành viên trong nhóm và thiết kế báo cáo một cách ngắn gọn, mạch lạc và thuyết phục. 9. Bình tĩnh, lắng nghe và hiểu ý kiến của người khác trước khi diễn đạt lại những ý kiến đó trong giao tiếp. 10. Đưa ra những minh chứng thuyết phục và hài hòa để bảo vệ ý kiến cá nhân.
Năng lực đánh giá các hoạt động hợp tác theo nhóm	6. Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.	11. Đánh giá một cách khách quan và công bằng các công việc mà bản thân và các thành viên trong nhóm đã làm được trên cơ sở mục đích hoạt động của các nhóm. 12. Đánh giá mức độ đạt được mục tiêu cá nhân và kết quả chung của nhóm. Từ đó, rút ra những kinh nghiệm quý báu cho bản thân và các thành viên trong nhóm, nhằm nâng cao chất lượng và đạt được kết quả cao hơn cho những mục tiêu đề ra.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài báo, đã áp dụng phương pháp phân tích tài liệu để tổng quan nghiên cứu vấn đề, cùng với việc sử dụng phương pháp điều tra khảo sát bằng phiếu hỏi. Chúng tôi đã thiết kế các phiếu hỏi thông qua nền tảng Google Forms để tiến hành khảo sát 2 đối tượng: sinh viên học tập tại Trung tâm và (số lượng) giáo viên giảng dạy tại 04 Trung tâm (Đại học Quốc gia Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Phòng, Thừa Thiên-Huế). Mục đích của việc khảo sát nhằm đánh giá các mức độ đạt được về việc sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực, đặc biệt là giáo dục hợp tác theo nhóm trong quá trình hình thành và phát triển năng lực hợp tác của người học. Phiếu khảo sát và kết quả khảo sát thu được từ 22 phiếu của giáo viên và 481 phiếu của sinh viên.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên về vai trò của năng lực hợp tác trong giáo dục học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Sau khi khảo sát về một số khía cạnh của giáo dục hợp tác trong giáo dục học phần

Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, kết quả đã cho ta thấy có tới 19/22 người được hỏi trả lời thường xuyên và rất thường xuyên sử dụng phương pháp này.

Bên cạnh đó, kết quả cũng cho thấy có 3/22 số người được hỏi không thường xuyên sử dụng, thậm chí có người còn hoàn toàn không hiểu về phương pháp này. Theo số liệu thống kê này, có thể thấy vẫn còn giáo viên chưa hiểu và sử dụng những ưu thế của giáo dục hợp tác nhằm phát triển năng lực hợp tác cho người học.

Mặt khác, cũng theo kết quả khảo sát giáo viên về tầm quan trọng của việc phát triển năng lực hợp tác cho sinh viên, có tới 20/22, số người được hỏi đều khẳng định việc này là quan trọng và rất quan trọng. Điều này có nghĩa là nhiều giáo viên đã nhận thức rất rõ tầm quan trọng của việc thay đổi các phương pháp giáo dục tích cực nhằm nâng cao năng lực hợp tác cho sinh viên. Tuy nhiên, quan điểm này chưa hoàn toàn đồng nhất, vẫn có 2/22 ý kiến cho rằng tầm quan trọng của việc phát triển năng lực hợp tác cho sinh viên là bình thường. Điều đó chứng tỏ không phải tất cả các giáo viên đều

nhận thức được đúng vai trò của giáo dục hợp tác trong việc nâng cao năng lực cho sinh viên trong giảng dạy môn học. Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với kết quả điều tra về mức

độ sử dụng phương pháp giáo dục hợp tác trong giáo dục học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bảng 2. Số lượng ý kiến của giảng viên đánh giá mức độ khó khăn trong giáo dục năng lực hợp tác cho sinh viên

TT	Một số khó khăn	Rất khó khăn	Khó khăn	Bình thường	Không khó khăn
1	Kiểm soát lớp học trong quá trình giảng dạy của giảng viên.	0	6	14	2
2	Thời gian để giải quyết vấn đề trong các hoạt động hợp tác.	1	7	12	2
3	Kinh nghiệm về tổ chức các hoạt động hợp tác cho sinh viên của giảng viên.	0	7	12	3
4	Năng lực thực hiện các hoạt động hợp tác của sinh viên.	2	5	13	2
5	Thái độ hợp tác của sinh viên.	1	1	17	3

Ngoài ra, chúng tôi cũng thực hiện thêm khảo sát để đánh giá những khó khăn mà giảng viên hay gặp phải khi tổ chức giáo dục hợp tác thông qua một số yếu tố điển hình.

Thứ nhất, kỹ năng kiểm soát lớp, kết quả thu được cho thấy, số lượng giảng viên cảm thấy bình thường và không khó khăn khi thực hiện hoạt động này là 16/22; trong khi 6/22 người được hỏi lại cho rằng họ vẫn còn gặp khó khăn để có thể bao quát được lớp trong suốt quá trình giảng dạy.

Thứ hai, thời gian để giải quyết vấn đề trong các hoạt động hợp tác, có 14/22 giảng viên cho rằng mình cảm thấy bình thường và không khó khăn khi phân bổ thời gian cho hoạt động này, trong khi còn số gặp khó khăn là 7/22, rất khó khăn là 1/22.

Thứ ba, về kinh nghiệm tổ chức các hoạt động hợp tác cho sinh viên, có 15/22 người thấy bình thường và không khó khăn với hoạt động này, trong khi số người cảm thấy khó khăn là 7/22. Yếu tố tiếp theo là về năng lực thực hiện các hoạt động hợp tác của sinh viên, 15/22 cảm thấy bình thường và không gặp khó khăn, 5/22 người thấy khó khăn và 2/22 người cảm thấy rất

khó khăn khi thực hiện hoạt động này. Cuối cùng là thái độ hợp tác của sinh viên, con số cảm thấy khó khăn và rất khó khăn là 2/22.

Như vậy, từ số liệu khảo sát có thể thấy, bên cạnh phần lớn giảng viên không gặp các vấn đề về cách thức tổ chức giáo dục hợp tác cho sinh viên thì vẫn còn những giảng viên cho rằng họ gặp khá nhiều vấn đề trong việc tổ chức giáo dục hợp tác để mang lại hiệu quả cao trong quá trình giảng dạy. Điều này cũng là những cơ sở thực tiễn để bài viết đề xuất những định hướng cụ thể về việc vận dụng phương pháp giáo dục hợp tác nhằm phát triển năng lực cho người học, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phát triển năng lực cho người học, góp phần đào tạo con người lao động mới, phù hợp với mục tiêu đổi mới giáo dục.

4.2. Thực trạng tiếp nhận các nội dung kiến thức học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay

Song song việc thực hiện khảo sát với đối tượng là giảng viên, chúng tôi cũng đã tiến hành khảo sát trên đối tượng sinh viên về các phương pháp giáo dục mà giảng viên đang sử dụng trong quá trình giảng dạy bộ môn.

Trong đó, có tới 84,6% sinh viên được hỏi đồng ý và hoàn toàn đồng ý giáo viên đang sử dụng phương pháp giáo dục theo kiểu thông báo-tái hiện, 65,7% đồng tình sử dụng phương pháp giáo dục theo kiểu “thầy đọc-trò chép”. Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực để nâng cao chất lượng giảng dạy qua khảo sát ý kiến người học cũng được giáo viên áp dụng phổ biến (Bảng 3).

Cụ thể là, có 82,2% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý việc giáo viên đã sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực một cách phổ

biến, 84% đồng tình thao tác công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong giáo dục và 81,1% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý việc đổi mới phương pháp đã tạo ra được chuyển biến lớn trong cách dạy, cách học. Như vậy, nhìn chung mặc dù tỉ lệ người học đồng tình việc giáo viên đang sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực để đổi mới giáo dục rất cao nhưng bên cạnh đó số lượng người học khẳng định việc giáo viên vẫn sử dụng các phương pháp giáo dục truyền thống cũng chiếm tỉ lệ không nhỏ. Chính điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng giảng dạy.

Bảng 3. Số lượng và tỉ lệ ý kiến của sinh viên đánh giá về các phương pháp giáo dục năng lực hợp tác

STT	Các phương pháp giáo dục	Hoàn toàn đồng ý		Đồng ý		Phân vân		Không đồng ý	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Các phương pháp giáo dục theo kiểu thông báo-tái hiện vẫn được sử dụng phổ biến.	131	27,2	276	57,4	55	11,4	19	4,0
2	Các phương pháp giáo dục theo kiểu “thầy đọc-trò chép” vẫn được sử dụng phổ biến.	113	23,5	203	42,2	102	21,2	63	13,1
3	Các phương pháp giáo dục tích cực đã được sử dụng phổ biến.	148	30,8	247	51,4	54	11,2	32	6,6
4	Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong giáo dục.	169	35,1	235	48,9	53	11,0	24	5,0
5	Đổi mới phương pháp đã tạo ra được chuyển biến lớn trong cách dạy, cách học.	154	32,0	236	49,1	64	11,3	27	5,6

Khi được hỏi về mức độ hứng thú khi tham gia quá trình học tập học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam thì đại đa số các sinh viên đều hứng thú với học phần này có tới 74% rất yêu thích và yêu thích, chỉ có 1,3% sinh viên được hỏi là không thích học học phần này. Đây là điều kiện rất thuận lợi để chúng tôi đề xuất giải pháp nâng cao năng lực hợp tác cho sinh viên khi tham gia học tập.

Cũng trong cuộc khảo sát, sinh viên cũng đã đưa ra những nhận định của bản thân về việc tổ chức một số phương pháp giáo dục tích cực mà giảng viên sử dụng trong quá trình giảng dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kết quả là 23,3% số người được hỏi cho rằng giáo viên hiếm khi và không bao giờ sử dụng phương pháp giáo dục hợp tác; 15,8% cho

phương pháp giáo dục giải quyết vấn đề; 46,6% cho phương pháp giáo dục đóng vai; 46,6% cho phương pháp giáo dục dự án và 53,4% cho phương pháp giáo dục trò chơi. Hay nói một cách khác, tần suất sử dụng một số phương pháp giáo dục tích cực nhằm nâng cao năng lực hợp tác của sinh viên đang chiếm tỉ lệ lớn.

Chính điều này cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ hứng thú của người học khi tham gia vào quá trình học tập bộ môn. Vì bên cạnh số lượng rất yêu thích và yêu thích môn học thì số lượng sinh viên có thái độ bình thường cũng vẫn chiếm tỉ lệ khá cao (24,7%).

Bảng 4. Số lượng và tỉ lệ ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

STT	Các nội dung	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Hiếm khi		Không bao giờ	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổ chức giảng dạy bằng phương pháp giáo dục hợp tác.	113	23,5	256	53,2	90	18,7	22	4,6
2	Tổ chức giảng dạy bằng phương pháp giáo dục giải quyết vấn đề.	126	26,2	279	58,0	61	12,7	15	3,1
3	Tổ chức giảng dạy bằng phương pháp giáo dục đóng vai.	91	18,9	166	34,5	136	28,3	88	18,3
4	Tổ chức giảng dạy bằng phương pháp giáo dục dự án.	84	17,4	173	36,0	128	26,6	96	20,0
5	Tổ chức giảng dạy bằng phương pháp giáo dục trò chơi.	78	16,2	146	30,4	130	27,0	127	26,4

Ngoài ra, kết quả khảo sát cũng đã thu thập được số liệu những khó khăn sinh viên gặp phải khi giáo viên tổ chức giáo dục hợp tác thường thấy. Trước hết là năng lực tổ chức nhóm hợp tác, có 16% ý kiến gặp khó khăn và rất khó khăn để xác định mục tiêu, nhiệm vụ, trách nhiệm các thành viên trong nhóm cần thực hiện để tổ chức hoạt động hợp tác. Trong năng lực thực hiện các hoạt động hợp tác nhóm, chúng ta cũng có thể thấy vẫn còn tỉ lệ sinh viên khó khăn và rất khó khăn khi thực hiện các hoạt động này (16,7% cho việc xác định công việc cần thực hiện, đề xuất phương án phân công công việc cho từng người trong nhóm; 18,1% cho sự nhiệt tình tham gia, chủ động giúp đỡ

nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm; 18,5% là việc thực hiện kỹ năng trình bày báo cáo của nhóm; 17,5% là khả năng đưa ra được những giải thích, lí lẽ chứng minh quan điểm, ý kiến của cá nhân của nhiều sinh viên) (Bảng 5).

Tiếp theo chính là khảo sát về thái độ hợp tác, có 15,6% sinh viên cho rằng khó khăn và rất khó khăn để thể hiện sự khiêm tốn tiếp thu ý kiến và giải quyết những mâu thuẫn phát sinh một cách khoa học và hợp lí với thái độ xây dựng. Cuối cùng là về năng lực đánh giá các hoạt động hợp tác theo nhóm thì con số này chiếm 14,6%. Từ đây, có thể thấy, mặc dù số lượng các bạn sinh viên gặp khó khăn trong hoạt

động hợp tác nhóm khi tham gia vào quá trình học tập môn học không nhiều nhưng số liệu đã minh chứng được khi tổ chức giảng dạy theo

hướng đổi mới, đặc biệt là nhằm nâng cao năng lực hợp tác cho người học vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định.

Bảng 5. Số lượng và tỉ lệ ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ khó khăn trong giáo dục năng lực hợp tác

STT	Một số khó khăn thường gặp	Rất khó khăn		Khó khăn		Bình thường		Không khó khăn	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
I	Năng lực tổ chức nhóm hợp tác								
1	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, trách nhiệm các thành viên trong nhóm cần thực hiện để tổ chức hoạt động hợp tác.	28	5,8	49	10,2	306	63,6	98	20,4
II	Năng lực thực hiện các hoạt động hợp tác nhóm								
2	Xác định công việc cần thực hiện, đề xuất phương án phân công công việc cho từng người trong nhóm.	33	6,9	47	9,8	289	60,0	112	23,3
3	Sự nhiệt tình tham gia, chủ động giúp đỡ nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.	29	6,0	58	12,1	270	56,1	124	25,8
4	Kỹ năng trình bày báo cáo của nhóm.	29	6,0	60	12,5	286	59,5	106	22
5	Khả năng đưa ra được những giải thích, lí lẽ chứng minh quan điểm, ý kiến của cá nhân của nhiều sinh viên.	33	6,9	51	10,6	292	60,7	105	21,8
III	Thái độ hợp tác								
6	Khiếm tốn tiếp thu ý kiến và giải quyết những mâu thuẫn phát sinh một cách khoa học và hợp lí với thái độ xây dựng.	31	6,5	44	9,1	283	58,8	123	55,6
IV	Năng lực đánh giá các hoạt động hợp tác theo nhóm								
7	Rút kinh nghiệm cho bản thân và các thành viên trong nhóm để đạt được mục tiêu đề ra với kết quả cao hơn.	33	6,9	37	7,7	278	57,8	133	27,6

Tóm lại, qua thực tế giảng dạy cũng như thực hiện việc khảo sát, điều tra ở cả hai đối tượng, chúng tôi nhận thấy rằng mặc dù cả người dạy và người học đều đang có những hướng đổi mới nhất định trong quá trình dạy và học nhưng nhìn chung việc sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực nhằm nâng cao năng lực hợp tác cho sinh viên trong quá trình học tập

học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn còn theo hướng nặng về kiến thức, giáo viên vẫn đang giảng dạy theo hướng người thầy đóng vai trò chủ động là chủ yếu. Trong khi việc hình thành và phát triển năng lực của sinh viên, đặc biệt là năng lực hợp tác dù đã được tổ chức và thực hiện nhiều nhưng vẫn chưa có những biểu hiện

cụ thể và kết quả rõ ràng. Phần lớn các em còn lúng túng trong việc giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp thiếu tự tin, làm việc nhóm còn mang tính hình thức, cảm thấy thiếu hứng thú, chủ động khi tham gia vào quá trình học tập của bộ môn. Hầu hết các giáo viên khi được khảo sát đều thừa nhận trong quá trình thực hiện, họ đều đang rất lúng túng, cách tổ chức còn mang tính hình thức, những năng lực cần hình thành cho sinh viên sau mỗi bài học chưa thu được kết quả rõ rệt. Vì vậy mà yêu cầu về đổi mới phương pháp giáo dục theo xu thế tất yếu của giáo dục khi ứng dụng vào môn học chưa thực sự mang lại hiệu quả.

4.3. Một số giải pháp phát triển năng lực hợp tác cho sinh viên

Biện pháp 1 - Tổ chức các buổi tập huấn nhằm bồi dưỡng kiến thức cho giảng viên về các phương pháp đào tạo hướng đến tích cực nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới trong lĩnh vực giáo dục.

Thực tế cho thấy, đội ngũ giáo viên đại học cần phải được bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn để giúp người học phát triển về năng lực, thúc đẩy đổi mới và sáng tạo. Cụ thể là cần phải cho giáo viên chủ động tham gia các hình thức đào tạo tiên tiến để vừa nâng cao trình độ, vừa tiếp cận các mô hình giảng dạy mới, qua đó giúp họ bổ sung kiến thức, đa dạng hóa các hình thức giảng dạy. Hơn nữa, cũng cần đẩy mạnh công tác bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên đại học để họ có thể ứng dụng các phương pháp hiện đại vào công tác giảng dạy. Cụ thể như: tổ chức các lớp tập huấn về lý luận giáo dục hợp tác; tổ chức các cuộc thi nghiên cứu khoa học, các buổi hội thảo, mời các chuyên gia có chuyên môn lên lớp.

Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, cần tập trung vào phát triển năng lực giảng dạy đầy đủ và cụ thể. Điều này bao gồm xây dựng chương trình giảng dạy ở cấp độ môn học, định rõ mục tiêu học tập của môn học và từng đơn vị học tập của sinh viên. Cần xác định những nội dung

phù hợp để đạt được các mục tiêu đã đề ra và sử dụng các phương pháp học tập và giảng dạy phù hợp để truyền tải nội dung và đạt được mục tiêu. Hơn nữa, việc sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực và phù hợp với đặc trưng của học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng rất quan trọng. Có thể áp dụng giảng dạy bằng tình huống, thảo luận nhóm,... để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia tích cực và hứng thú hơn trong quá trình học tập. Đồng thời, cần rèn luyện các năng lực truyền đạt, giải quyết vấn đề, ra quyết định, quản lý xung đột và đàm phán, và không ngừng học tập và phát triển bản thân. Những năng lực này giúp tăng cường năng lực hợp tác cho sinh viên, giúp họ tự tin và hiệu quả hơn trong việc học tập và đối mặt với thử thách trong cuộc sống. Tóm lại, việc phát triển năng lực giảng dạy cùng với sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực và rèn luyện năng lực cho sinh viên sẽ tăng cường *năng lực hợp tác* cho họ, giúp họ tiến bộ và phát triển trong môi trường học tập và làm việc. Cụ thể: thường xuyên tổ chức dự giờ, rút kinh nghiệm về các giờ học có ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực; dự giờ học hỏi của các chuyên gia; tổ chức tham quan các cơ sở giáo dục đã áp dụng thành công một số phương pháp giáo dục tích cực.

Có thể nói, theo xu thế phát triển của giáo dục, thực tế đội ngũ giáo viên các trung tâm cũng đã có những nỗ lực, cố gắng để bắt kịp tiến trình đổi mới. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề. Vì vậy, giáo viên luôn phải có hướng tiếp cận đúng đắn, tiếp tục học hỏi, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu tất yếu của thời đại.

Biện pháp 2 - Bồi dưỡng cho giảng viên kỹ năng chuẩn bị và tiến hành các giờ học theo hướng tăng cường các giờ có ứng dụng phương pháp giáo dục tích cực.

Các bước chuẩn bị giờ lên lớp: Bước 1 (xây dựng kế hoạch giờ lên lớp. Để xây dựng kế hoạch giờ lên lớp, giáo viên phải nghiên cứu nắm chắc đối tượng, phạm vi nghiên cứu của

giờ lên lớp, nghiên cứu tài liệu lý luận và thực tiễn có liên quan đến nội dung giờ lên lớp; từ đó xác định khó khăn, thuận lợi khi thiết kế, tiến hành giờ lên lớp theo hướng đổi mới). Bước 2 (thông qua kế hoạch và thực luyện kế hoạch giờ lên lớp. Việc thông qua kế hoạch giờ lên lớp nhằm bảo đảm tính pháp lý trong giảng dạy; giúp giáo viên thực luyện thuần thục hơn về nội dung và phương pháp tiến hành).

Các bước tiến hành giờ lên lớp: bước (đặt vấn đề và mở đầu giờ học, sau khi nhận lớp, giáo viên nên đặt vấn đề có tác dụng kích thích tư duy, tạo sự hứng thú cho sinh viên ngay từ đầu giờ học). Bước 2 (thành lập các nhóm, giáo viên nên trung thành với cách xác định các nhóm trong kế hoạch giờ lên lớp). Bước 3 (giao nhiệm vụ và hướng dẫn cách làm việc nhóm, giáo viên cần giao nhiệm vụ rõ ràng sao cho sinh viên hiểu rõ nhiệm vụ của mình). Tùy từng nhiệm vụ cụ thể, giáo viên tiến hành hướng dẫn các nhóm sao cho phù hợp. Sau giờ lên lớp; Kiểm tra, đánh giá năng lực hợp tác của sinh viên sau quá trình giảng dạy. giáo viên căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ đạt được các thành tố của năng lực hợp tác khi sử dụng phương pháp thảo luận nhóm sau quá trình giảng dạy để có những điều chỉnh nội dung, thay đổi hình thức, phương pháp tổ chức giảng dạy cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Biện pháp 3 - Xây dựng quy trình và tổ chức đánh giá năng lực hợp tác của sinh viên thông qua giảng dạy thảo luận nhóm.

Năng lực hợp tác giúp các em có cơ hội khẳng định mình và giải quyết các vấn đề khó trong học tập cũng như trong các hoạt động khác. Việc phát triển năng lực hợp tác góp phần gia tăng tính đoàn kết trong tập thể, tạo điều kiện cho việc giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập, từ đó cùng tiến bộ và nâng cao hiệu quả công việc. Vì vậy, việc sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực sẽ giúp sinh viên phát triển tính tích cực, tự giác, chủ động, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, tinh thần hợp tác, cũng như kỹ năng vận dụng kiến thức vào các tình huống khác nhau trong quá trình học tập và thực tiễn.

Phương pháp giáo dục hợp tác được sử dụng nhằm khuyến khích tất cả sinh viên tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập. Điều này tạo cơ hội cho các em có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Đồng thời, giáo dục hợp tác cũng tạo cơ hội cho sinh viên giao lưu, học hỏi lẫn nhau và cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung.

+ Quy trình thực hiện: khi sử dụng phương pháp giáo dục này, lớp học được chia thành những nhóm nhỏ tùy vào số lượng sinh viên của mỗi buổi học. Tùy vào mục tiêu giảng dạy và yêu cầu của bài học, các nhóm học sinh có thể được tổ chức ngẫu nhiên hoặc có sự định đoạt, và có thể duy trì ổn định trong cả tiết học hoặc thay đổi theo từng hoạt động. Nhiệm vụ của các nhóm cũng có thể giống nhau hoặc khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm của bài học. Cấu tạo của một hoạt động theo nhóm (trong một phần của tiết học, hoặc một tiết, một buổi) có thể như sau: Bước 1: làm việc chung cả lớp: giáo viên đưa ra chủ đề thảo luận và xác định nhiệm vụ nhóm; Tổ chức và phân công nhiệm vụ cho từng nhóm, đồng thời quy định thời gian và phân chia vị trí làm việc trong nhóm; Nếu cần, giáo viên hướng dẫn cách làm việc trong nhóm. Bước 2: làm việc theo nhóm: nhóm phân công công việc cụ thể; thảo luận và trao đổi ý kiến trong nhóm; đồng lòng với nhau và trình bày kết quả làm việc của nhóm. Bước 3: thảo luận, tổng kết trước toàn lớp: nhóm phân công công việc cụ thể; thảo luận và trao đổi ý kiến trong nhóm; Đồng lòng với nhau và trình bày kết quả làm việc của nhóm.

Ví dụ khi dạy bài A9, mục phương châm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, giáo viên có thể tổ chức cho sinh viên hoạt động thảo luận nhóm bằng việc đặt câu hỏi: anh (chị) hiểu phương châm xây dựng dân quân tự vệ theo hướng “Vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính như thế nào? Tại sao phải coi trọng chất lượng là chính?

Sau đó, chia nhóm ngẫu nhiên, thời gian thảo luận khoảng năm phút. Các nhóm sẽ cùng hợp tác làm việc dựa trên nhiệm vụ mà giáo viên vừa phân công, tích cực trao đổi, chia sẻ, tranh luận, hợp tác với nhau. Các em cùng đưa ra ý kiến của mình, cả nhóm thống nhất và đưa ra ý kiến chung về vấn đề cần thảo luận.

Cuối cùng, đại diện một vài nhóm sẽ báo cáo kết quả vừa thảo luận; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh biện; giáo viên nhận xét và chốt lại vấn đề, đánh giá sự hợp tác của sinh viên trong các nhóm học tập.

5. Kết luận

Có thể nói, vận dụng giáo dục theo nhóm là một trong những phương pháp giáo dục cần thiết trong giáo dục học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng và môn Giáo dục quốc phòng và an ninh nói chung. Những kết quả nghiên cứu về lí luận, thực nghiệm sư phạm đã cho thấy tính đúng đắn và khả thi của đề tài nghiên cứu. Qua thực tế áp dụng các quy trình trên vào giảng dạy bộ môn, chúng tôi nhận thấy việc đón nhận các giờ học của sinh viên đã hứng thú và chủ động hơn. Đặc biệt, khi được cùng nhau thảo luận, trình bày quan điểm bản thân, các bạn đã tăng cường được tính tự giác, trách nhiệm, khả năng phản biện vấn đề để cùng thống nhất khái quát lại những nội dung học tập mang tính đúng đắn. Hi vọng bài báo sẽ góp phần đổi mới phương pháp giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học nói chung, là nền tảng cho các hướng nghiên cứu tiếp theo để hoàn thiện cơ sở lí luận trong việc phát triển năng lực hợp tác cho người học thông qua một số các phương pháp giáo dục tích cực khác. Đó cũng chính là tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] D. N. Hung, Situation and Solutions for Enhancing Studying Performance for National Defense and Security for Students at the Hong Duc University Center for Defense and Security, J. Ed. Special Edition, Apr 2020, 2020, pp. 202-205 (in Vietnamese).
- [2] L. T. T. Duong, Developing Cooperation Competency for Students in Teaching History in High School, J. Ed. Special Edition, Issue 3, 2017, pp. 185-188 (in Vietnamese).
- [3] T. V. Hoi, L. V. Vinh, Some Solutions to Reform Teaching Methods for Courses I and II in the National Defense and Security Subject, J. Ed. Special Edition, Dec, 2019, pp. 315-318 (in Vietnamese).
- [4] F. E. Weinert, Concept of Competence: A Conceptual Definition, In D. S. Rychen, L. H. Salganik (Eds.), Defining and Selecting Key Competencies, Hogrefe and Huber Publishers, Göttingen, 2001, pp. 45-65.
- [5] OECD, Definition and Selection of Competencies (DeSeCo), Theoretical and Conceptual Foundations, Strategy Paper, <https://www.oecd.org/education/skills-beyond-school/definitionandselectionofcompetenciesdesec.o.htm> (accessed on: May 15th, 2023).
- [6] M. Bernd, N. V. Cuong, Modern Teaching Theory - The Basis for Reforming Targets, Contents and Methods for Teaching, HNUE Publishing House, Hanoi, 2016 (in Vietnamese).
- [7] Q. L. Trinh, G. Rijlaarsdam, An EFL Curriculum for Learner Autonomy: Design and Effects, Presented at the Independent Language Learning Conference, Melbourne, 2014.
- [8] Patrick Griffin, Esther Care, Assessment and Teaching of 21st Century Skills, Springer, Berlin, 2015.
- [9] V. T. T. Hoai, Developing Cooperation Capabilities for Students Through Intergrated Curriculum in High School, Vietnam J. Ed. Sci, Vol. 137, 2017, pp. 11-16 (in Vietnamese).
- [10] D. W. Johnson, R. T. Johnson, Learning Together and Alone: Cooperative, Competitive, and Individualistic Learning, Allyn and Bacon, Boston, 1999.
- [11] Ministry of Education and Training, Letter No. 32/2018/TT-BGDĐT on Establishing the New Basic Education Program (in Vietnamese).
- [12] V. T. T. Hoai, N. T. K. Ngan, Developing Cooperation Capabilities for Students Through Teaching the Nonmetals Credit - 10th Grade

[1] D. N. Hung, Situation and Solutions for Enhancing Studying Performance for National Defense and

- High School Chemistry, HNUE J. Sci. 61, 2016, pp. 94-104 (in Vietnamese).
- [13] C. L. C. Kulik, J. A. Kulik, Effects of Ability Grouping on Secondary School Students: A Meta - Analysis of Evaluation Findings, American Educational Research Journal, Vol. 19, No. 3, 1982, pp. 415-428.
- [14] R. E. Slavin, Cooperative Learning: Theory, Research and Practice, Englewood Cliffs, New Jersey, 1990.
- [15] H. J. Walberg, Productive Teaching, in: H. C. Waxman, H. J. Walberg (Eds.), New Directions for Reaching Practice and Research, McCutchen Publishing Coporation, Berkeley, 1999, pp. 75-104.